

TÂM THỨC VĂN HÓA CỦA CÁC CỘNG ĐỒNG CÔNG GIÁO Ở SÀI GÒN - TP HCM (1954 - NAY) NHÌN TỪ TÊN XỨ ĐẠO

ĐINH THIÊN PHƯƠNG*

Công giáo xuất hiện tại Sài Gòn vào khoảng thế kỷ XVII. Sau đợt di cư năm 1954, giáo dân Công giáo ở Đông Nam Bộ không còn sự đồng nhất về nguồn gốc tộc người, thành phần chức nghiệp. Khu vực Sài Gòn-TPHCM, các cộng đồng giáo dân tụ họp lại thành từng cụm riêng, nỗ lực duy trì luồng văn hóa của mình bằng kiến trúc giáo đường, mỹ thuật tượng thờ, tang ma... nhất là việc đặt tên xứ đạo. Thông qua kết quả thống kê các kiểu đặt tên xứ đạo ở TPHCM, bài viết tìm hiểu và giải thích những yếu tố về tâm thức văn hóa của các cộng đồng qua nguồn gốc quê hương, tập quán, nghề nghiệp... của lớp giáo dân thời kỳ đầu.

Từ khóa: văn hóa quyền, địa danh, nhân danh

Nhận bài ngày: 14/12/2020; *đưa vào biên tập:* 25/12/2020; *phản biện:* 20/1/2021; *duyet đăng:* 7/3/2021

1. DẪN NHẬP

Công giáo xuất hiện tại Sài Gòn vào khoảng thế kỷ XVII, do các giáo sĩ truyền giáo của nhóm Thừa sai nơi đây và các đợt di dân của giáo dân từ nơi khác đến. Ngoài tập trung sống ở vùng Chợ Quán, phần đông tập trung ở Thị Nghè, Thủ Thiêm, Thủ Đức (ngày nay). Sau đợt di cư năm 1954

của nhiều người Công giáo miền Bắc, Sài Gòn khi đó trở thành nơi đông giáo dân thứ nhì Việt Nam với gần 600.000 người⁽¹⁾. Từ 1955-1959, dưới thời giám mục Nguyễn Văn Bình, 88 xứ đạo của người Bắc di cư được thành lập, đa số tập trung ở cửa ngõ phía bắc, phía nam và phía tây Sài Gòn (Hồ Văn Xuân, 2015: 5). Hiện nay, khi quan sát bản đồ, có thể thấy các xứ đạo tập trung thành 5 cụm riêng biệt, trong đó 3 cụm lớn nằm ở phía bắc, phía đông và trung - tây

* Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm Thành phố Hồ Chí Minh.

Bảng 1. Tên các xứ đạo ở 5 cụm xứ đạo Công giáo tại Sài Gòn-TPHCM

Cụm phía bắc: 100.000 giáo dân, 26 xứ đạo. Gò Vấp, Giuse Gò Vấp, Mân Côi, Bến Cát, Bến Hải, Đức Tin, <i>Hạnh Thông Tây</i>, Xóm Thuốc, An Nhơn, Bắc Dũng, Chinh Trang, Hà Đông, Hà Nội, Hoàng Mai, Hợp An, Lam Sơn, Lạng Sơn, Nữ Vương Hòa Bình, Tân Hưng, Thái Bình, Thạch Đà, Trung Bắc, Tử Đình, <i>Chợ Cầu</i>, Tân Hưng Chợ Cầu, Hy Vọng.	Cụm đông: 75.000 giáo dân, 38 xứ đạo. Phát Diệm, Thánh Gia, <i>Tân Định</i>, Xóm Lách, Tắc Rối, <i>Bình Hòa</i>, Bình Lợi, Chính Lộ, Vô Nhiễm, <i>Gia Định</i>, Nguyễn Duy Khang, Hàng Sanh, Hiền Linh GĐ, Mông Triệu, Phú Hạnh, Phú Hiền, Thánh Khang, Thánh Tịnh, Thanh Đa, Thị Nghè, Mactynho, Bình Triệu, Công Thành, Mỹ Hòa, Tam Hà, Thiên Thần, Tân Lập, <i>Thủ Thiêm</i>, Châu Bình, <i>Thủ Đức</i>, Hiền Linh Thủ Đức, Từ Đức, Thánh Tâm, <i>Thánh Gấm</i>, Thánh Cẩm, Cao Thái, Long Thạnh Mỹ, Giuse xa lộ.
Cụm Trung Tây: 212.000 giáo dân, 55 xứ đạo. Bùi Môn, Bạch Đằng, Đông Quang, Lạc Quang, Tân Mỹ, Trung Chánh, Trung Mỹ Tây, Ba Thôn, Bình Thuận, Gò Mây, Nhân Hòa, Bình Thới, Phú Hòa, Phú Thọ Hòa, Tân Phú Hòa, Phú Trung, Tân Phước, Tân Châu, Tân Hương, Tân Phú, Tân Thái Sơn, Tân Thành, Tân Việt, Thiên Ân, Văn Côi, Tân Trang, An Lạc, Antôn, Chí Hòa, Khiết Tâm, Lộc Hưng, Mẫu Tâm, Nam Hòa, Nam Thái, Nghĩa Hòa, Sao Mai, Tân Dân, Tân Chí Linh, Tân Sa Châu, Thái Hòa, Vinh Sơn 3, Vinh Sơn 6, Xây Dựng, Tống Viết Bường, Tân Hòa, Ba Chuông, An Phú, Bùi Phát, Kỳ Đồng, Vườn Xoài, Bắc Hà, Đồng Tiến, Giuse 10, Vinh Sơn 10, <i>Hòa Hưng</i>.	Cụm Nam: 71.000 giáo dân, 24 xứ đạo. Bình An, Bình An Thượng, Bình Đông (<i>phần hữu ngạn Mễ Cốc</i>), Bình Hưng, Bình Minh, Bình Sơn, Bình Thái, Bình Thuận, Bình Xuyên, Chánh Hưng, Hưng Phú, Mông Triệu, Nam Hải, <i>Bình Chánh</i>, Ninh Phát, An Phú 4, <i>Khánh Hội</i>, Mẫu Tâm, Thuận Phát, Vĩnh Hội, Mũi Khôi, <i>Xóm Chiếu</i>, <i>An-tôn COL</i>, <i>Cầu Kho</i>.
Cụm Tây Nam: 19.000 giáo dân, 11 xứ đạo. Giuse An Bình, <i>Chợ Quán</i>, Jean deArc, Mai Khôi, <i>Cha Tam</i>, Thăng Long, Vĩnh Hòa, Bình Phước, Hiền Linh 6, Phaolo 10, Phú Bình.	

Ghi chú: Tên in nghiêng là các họ đạo Nam Bộ lập từ trước năm 1954.

Nguồn: Tác giả tổng hợp danh sách xứ đạo từ *Niên giám Tổng Giáo phận TPHCM 2005*.

(chiếm trọn phần trung tâm thành phố kéo sang phía tây), 2 cụm nhỏ hơn nằm ở phía nam và tây nam (Bảng 1).

Năm 2017, 5 cụm này có 477.000 giáo dân (chiếm 79,5% số giáo dân toàn thành phố), 154 xứ đạo (thành phố có 204 xứ đạo). Bài viết chủ yếu tìm hiểu tâm thức văn hóa của các

cộng đồng Công giáo qua tên gọi các giáo xứ thuộc năm cụm xứ đạo này.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trên cơ sở sưu tầm, tổng hợp địa danh xứ đạo tại TPHCM, trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê miêu tả, so sánh đối chiếu những địa danh xứ

đạo trước đây và hiện nay, để tìm hiểu nguồn gốc hình thành cũng như tâm thức văn hóa của từng cộng đồng giáo dân ở TPHCM. Đặt tên cho một khu vực, một địa điểm, một nơi nào đó ngoài việc hướng đến định vị không gian khu biệt thì việc chọn lựa tên để đặt còn chịu chi phối bởi môi trường sống, ký ức văn hóa và hàng loạt các yếu tố tâm lý phức tạp khác. Lê Trung Hoa (2013: 15,16) nhận định: “Mỗi thời đại có một tâm lý đặt tên riêng (...) Mỗi địa phương cũng có tâm lý đặt tên riêng”. Điều này cho thấy, việc đặt tên bị chi phối bởi thời đại và không gian sống, nói cách khác, gắn bó mật thiết với đời sống cộng đồng.

Việc đặt tên một khu vực địa lý nơi có cộng đồng người chung sống, thường phản ánh tâm thức tập thể, quan niệm về ứng xử giao tiếp, quan điểm thẩm mỹ, phong tục và niềm tin của cộng đồng nơi ấy. Vì vậy, thông qua cách đặt tên các xứ đạo ở Sài Gòn-TPHCM có thể hiểu được nguồn gốc của thành phần giáo dân, tâm thức, tập quán từng khu vực Công giáo.

3. KHÁI QUÁT VỀ CÁCH ĐẶT TÊN CÁC XỨ ĐẠO TẠI SÀI GÒN-TPHCM

Bộ Giáo luật 1983, điều 1215 - 1220 ấn định việc xây cất nhà thờ và danh xưng xứ đạo hình thành bằng quyết định của giám mục địa phương. Cụ thể điều 1218 “Mỗi nhà thờ phải mang một tước hiệu riêng, và một khi đã cung hiến thì không thể thay đổi tước hiệu nữa” (Bộ Giáo luật, 1983: 1218). Các giám mục thường thể

theo đề nghị về tên gọi của linh mục quản xứ và giáo dân trình lên. Chỉ giáo xứ mới có định danh, điều này phân biệt với các nhà nguyện, tu hội, giáo điểm truyền giáo⁽²⁾... Định danh của xứ đạo gồm 2 bộ phận: “danh xưng giáo xứ” và “tước hiệu nhà thờ”. Chẳng hạn, giáo xứ Nghĩa Hòa là “danh xưng” còn tước hiệu nhà thờ là Đức Mẹ Vô Nhiễm Nguyên Tội; đôi khi “danh xưng” trùng “tước hiệu”: giáo xứ Vinh Sơn là “danh xưng” xứ đạo đồng thời là “tước hiệu nhà thờ”.

Tên gọi các xứ đạo Công giáo ở Sài Gòn-TPHCM cũng như ở các địa phương khác, đặt theo địa danh và tên thánh như: Phanxicô, An Tôn,... và địa danh: Hàng Sanh, Gò Mây, Thị Nghè... Tuy nhiên, trong phần tên đặt theo địa danh thì tên các xứ đạo ở Sài Gòn-TPHCM, qua thống kê tỷ lệ độ tần, chỉ số ưu thế đã cho thấy tên gọi các giáo xứ ở Sài Gòn-TPHCM vượt qua tính rời rạc, hình thành những quy tắc về cách đặt tên⁽³⁾.

Nhìn tổng thể, quy tắc về việc đặt tên giáo xứ cho thấy hai luồng văn hóa Công giáo chính ở Sài Gòn-TPHCM: Công giáo Nam Bộ trước năm 1954 với 48 giáo xứ đặt theo địa danh Sài Gòn xưa, ghi chép trong *Nam Kỳ địa hạt tổng thôn danh hiệu mục lục* năm 1892; và Công giáo Bắc di cư với 46 giáo xứ đặt theo các địa danh Bắc Bộ. Ngoài ra còn có 11 xứ đạo người Hoa mang nét văn hóa riêng. Từ hai cách này đã phái sinh ra những kiểu đặt tên đặc trưng. Tên gọi các xứ đạo gốc Nam Bộ cộng thêm các phái sinh

mở rộng từ 48 lên 73 xứ, tên gọi các xứ gốc Công giáo Bắc di cư cộng thêm các phái sinh mở rộng từ 46 lên 83 xứ. Tổng cộng có 156/204 xứ đạo được đặt theo địa danh, 48/204 xứ đạo đặt theo tên thánh.

Bảng 2 cho thấy, có 8 kiểu đặt tên xứ đạo theo địa danh ở Sài Gòn-TPHCM tiêu biểu cho 3 luồng văn hóa.

Công giáo gốc Nam Bộ với 3 kiểu đặt tên theo địa danh Sài Gòn xưa (Thị Nghè, Thủ Đức, Thủ Thiêm...); đặt tên theo đặc điểm môi trường sống (Vườn Chuối (cũ), Chợ Đũi (quen gọi là Huyện Sĩ), Chợ Quán, Gò Vấp, Cầu Ngang...) và ghép chữ “Bình” trước địa danh Nam Bộ (như Bình Hòa ghép “Bình” vào “Hòa Trị thôn” -

tổng Bình Trị Thượng, Bình Lợi ghép “Bình” vào “An Lợi xã” cả hai nay thuộc quận Bình Thạnh; Bình Khánh ghép “Bình” vào “An Khánh thôn” nay thuộc huyện Cần Giờ (giáo điểm)...).

Công giáo gốc Bắc Bộ di cư với 5 kiểu: đặt tên hoàn toàn theo địa danh Bắc Bộ (Hà Nội, Hà Đông, Phát Diệm, Thái Bình, Lạng Sơn...); đặt tên ghép hai địa danh Bắc Bộ (“Bùi Chu” và “Phát Diệm” tạo ra Bùi Phát, “Bách Lộc” và “Hưng Hóa” thành Lộc Hưng, “Bắc Ninh” và “Hà Nội” thành Bắc Hà...); đặt tên ghép địa danh Bắc Bộ và địa bàn tại Sài Gòn (Bùi Môn, Từ Đức, Phú Hòa...); đặt ghép chữ “Tân” trước một phần hay toàn bộ địa danh Bắc Bộ (Tân Chí Linh, Tân Việt, Tân

Bảng 2. Thống kê tên 204 xứ đạo Sài Gòn-TPHCM theo phân loại (từ 1954 đến nay)

Kiểu tên xứ đạo	Bắc Bộ	Tên ghép địa danh Bắc Bộ	Ghép chữ “Tân” trước địa danh Bắc Bộ	Ghép chữ “Hòa” sau địa danh Bắc Bộ	Tên địa danh địa phương trước 1954	Chữ “Bình” trước tên địa phương trước 1954	Đặc trưng môi trường, cảnh vật	Thánh hoặc kinh thánh
<i>Cụm</i>								
<i>Bắc</i>	8	7	2	0	3	0	3	3
<i>Trung - tây</i>	1	19	12	4	8	0	3	8
<i>Nam</i>	0	3	0	0	7	9	1	4
<i>Đông</i>	1	5	0	1	14	1	2	14
<i>Tây nam</i>	0	2	0	0	3	0	2	4
<i>Còn lại</i>	3	10	3	2	13	1	3	15
Tổng (toàn Giáo phận)	13	46	17	7	48	11	14	47
Tổng (theo gốc tên)	Liên quan đến địa danh Bắc Bộ: 83					Liên quan đến địa danh Nam Bộ: 73		Tên thánh: 48
Tổng theo danh học	Địa danh: 156							Tên thánh: 48

Nguồn: Tác giả tổng hợp danh sách tên gọi giáo xứ từ trang web Tổng Giáo phận TPHCM, truy cập 3/2017 và bản đồ Hành chính TPHCM năm 2017.

Sa Châu...); ghép một phần tên Bắc Bộ trước chữ “Hòa” (lấy chữ đầu tên địa phương miền Bắc: Thái Bình, Nam Lạng, Nghĩa Chính... ghép trước chữ “Hòa” thành Thái Hòa, Nam Hòa, Nghĩa Hòa)⁽⁴⁾.

Giáo xứ Công giáo gốc Hoa chủ yếu dùng tên thánh để đặt cho giáo xứ: Phanxico Xavie, Giuse An Bình, Đức Bà Hòa Bình, Jeanne d’Arc...

Tóm lại, trong thời kỳ đầu, ngoại trừ các xứ đạo gốc Hoa, tên các xứ đạo người Việt gần như hoàn toàn là địa danh với 8 kiểu đặt tên. Cách đặt tên địa danh nhiều hơn tên thánh cho thấy đời sống xã hội của cộng đồng giáo dân những nơi này gắn bó mật thiết với quê hương, tính cố kết cộng đồng, tinh thần khu vực có phần ưu tiên hơn.

4. TÂM THỨC VĂN HÓA QUA TÊN GỌI CÁC XỨ ĐẠO TẠI SÀI GÒN-TPHCM

Cụm phía bắc – khu vực hầu hết là giáo dân Bắc di cư: các tên gọi có yếu tố liên quan địa danh Bắc Bộ chiếm tới 17/26 xứ đạo (65,5%), đặc biệt, có 8 xứ (31%) lấy lại hoàn toàn địa danh Bắc Bộ (Hà Nội, Hà Đông, Lạng Sơn, Thái Bình, Lam Sơn, Hòa Bình, Bến Hải và Hoàng Mai); trong khi cả thành phố chỉ có 13 xứ tên như vậy. Điều này có thể lý giải theo hai phương diện: xuất xứ (nguyên quán) và đặc điểm chức nghiệp của lớp giáo dân thời kỳ đầu.

Khi tụ họp để thành lập các xứ đạo những năm 1954-1957, giáo dân cụm

phía bắc – khu Xóm Mới ngày nay, có tính đồng nhất nguyên quán cao (giáo xứ: Hà Nội, Thái Bình, Lạng Sơn, Hà Đông), toàn bộ giáo dân đều là người sống trong các tỉnh thành này trước di cư.

Đa số giáo dân thời kỳ khai sinh cụm phía bắc là nông dân từ nông thôn miền Bắc với ước vọng mau chóng kết thúc sự chia cắt đất nước để trở về quê hương. Vì vậy, tâm thức kết cấu làng xã bền chặt, không nỡ xa quê cha đất tổ, nhất là gắn với nghĩa vụ bảo vệ tôn ti gia đình, dòng họ. Theo Nguyễn Đức Lộc (2013: 100) “Cộng đồng người Công giáo Bắc di cư ở vùng nông thôn chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi quan niệm Nho giáo phương Đông, với việc đề cao tính danh dự và thứ bậc”. Cụ Nguyễn Văn Quang, 81 tuổi, sống ở chợ Xóm Mới cho biết: “Hồi ấy đặt tên xứ cứ gọi theo trại tạm cư, Lạng Sơn, Thái Bình, ai ngoài kia ở trại nào thì tụ về trại đó. Nghỉ ở vài tháng rồi lại về Bắc như hồi đánh nhau năm 46”. Những đặc điểm văn hóa thuần nông nghiệp làng xã thời kỳ đầu di cư vẫn còn tồn tại đến ngày nay như địa danh Xóm Thuốc, Trại rau Cha Tổng, Trại chim cú Hoàng Mai..., hoặc khẩu hiệu (slogan) Bánh mì Những Chàng Trai - “Bánh mì khu nhà bạn”, Giò chả Hợp An - “Hương vị quê nhà”...

Cụm trung - tây – khu vực hầu hết là giáo dân Bắc di cư: các yếu tố liên quan tên Bắc Bộ chiếm tỷ lệ cao (65,5%), trong đó cao nhất là tên ghép hai, ba địa danh Bắc Bộ với

19/55 xứ (34,5%), đáng chú ý là tên có chữ “Tân” ghép trước địa danh Bắc Bộ (21,8%).

Cụm này đa số là giáo dân từ 2 hoặc 3 tỉnh miền Bắc di cư vào, từ đó mà có kiểu đặt tên ghép 2 hoặc 3 địa danh, như: giáo xứ Bắc Hà (từ Bắc Ninh và Hà Nội), Bùi Phát (từ Bùi Chu và Phát Diệm)... Bên cạnh đó, có 12/55 giáo xứ trong cụm bắt đầu bằng chữ “Tân” (chiếm tới 22,5%), Sài Gòn-TPHCM phổ có 17 xứ đạo thì cụm này chiếm 12 xứ (70,5%). Điều này có liên hệ mật thiết tới nguồn gốc nghề nghiệp giáo dân thời tiền di cư. “Họ sợ bị đưa đến một vùng xa xôi hẻo lánh. (...) nên đưa họ đến Gia Định hoặc khu vực gần đô thị, bình thường dành cho những người buôn bán và ngành công nghiệp nhẹ” (dẫn theo Hansen, 2013: 30). Như vậy, cụm trung - tây đa số giáo dân sống ở thành thị, làm tiểu thương, làm công nhân các công xưởng, bến cảng Hà Nội, Hải Phòng... Lúc mới di cư, dù vẫn mang tâm thức lưu luyến quê cũ nhưng giáo dân cụm này dễ thích nghi và chấp nhận nơi định cư mới; vì vậy, một loạt tên gọi vừa gắn với quê cũ nhưng cũng đồng thời ghép thêm yếu tố của vùng đất mới đã xuất hiện ngay tại 8 trại di cư theo hai kiểu: thứ nhất, đặt chữ “Tân” (tiếng Hán là “mới”) lên phía trước, tiền thân 12 xứ “Tân” sau này: Tân Chí Linh, Tân Sa Châu, Tân Thới Sơn, Tân Châu, Tân Việt, Tân Hòa, Tân Phú Hòa, Tân Thành, Tân Trang, Tân Dân, Tân Phước và Tân Mỹ. Thứ hai, ghép nửa địa danh Bắc vào địa

danh Sài Gòn: Bùi Môn - giáo xứ của người Bùi Chu ở Hóc Môn, Thái Hòa - giáo xứ của người Thái Bình ở Chí Hòa, Nghĩa Hòa - giáo xứ của người Nghĩa Chính ở Chí Hòa...

Dù đặt tên kiểu nào thì giáo dân cụm trung - tây cũng với tâm thức từ biệt quê cũ, hàm ngôn tuyên ý: giáo dân xứ cũ đã lập xứ mới trong Nam; định cư lâu dài, khác hẳn với giáo dân cụm phía bắc chỉ trông mong sớm hồi hương, về lại làng xã. Nguồn gốc xuất xứ giáo dân khu vực này trong điều kiện sống mới, văn hóa làng xã Bắc Bộ nhanh chóng bị phá vỡ, tiếp thu lối sống Mỹ, trở thành trung tâm thương mại, phố thị náo nhiệt. Thực tế đời sống giáo dân 60 năm sau đó cũng sáng tỏ điều này; khi mà doanh nhân, tiểu thương, công nhân luôn thích sống ở mặt đường lớn vì thuận tiện cho việc mở cửa hàng buôn bán, đi lại làm ăn.

Cụm phía nam: có 24 xứ đạo, trong đó 19 xứ hình thành từ đợt di cư năm 1954, nhưng khác với cụm phía bắc và trung - tây, tên của cụm này gắn với địa danh Sài Gòn trước năm 1954; 16 giáo xứ đặt tên lấy chữ “Bình” ghép trước tên địa danh đang cư trú.

“Trại Bình An”, theo tư liệu của giáo xứ Bình An thì tên này là từ tên thôn “Bình Đông” (phía đông) và “An Phú” (phía tây) vốn chép tại *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức. Tiếp đó là một loạt giáo xứ bắt đầu từ chữ “Bình”: Bình Thái, Bình Sơn, Bình Hưng, Bình Đông, Bình Xuyên... những tên này có tên dùng lại tên

thôn cũ: Bình Xuyên, Bình Đông, Bình Minh, Bình Chánh. Có tên lại ghép chữ “Bình” vào trước một phần tên làng Nam Bộ cũ như Bình Hưng từ tên làng gốc Hưng Lợi; Bình Minh từ khu chăn nuôi Tân Minh, Bình Thuận từ làng Phú Thuận. Ngoài ra, nhiều tên địa phương Nam Bộ khác được đặt lại: Chánh Hưng, Hưng Phú, Nam Hưng, An Phú... Qua mỗi tên xứ đạo ở cụm này có thể nhanh chóng xác định địa giới, trong khi đó, những cụm khác thì có thể biết được làng gốc Bắc nhưng không thể định vị được ranh giới.

Các xứ đạo cụm phía nam giáo dân lịch thiệp, yêu thích ca hát, nhiếp ảnh, Giáng sinh tổ chức tưng bừng, thu hút người dân khắp thành phố (Hồ Văn Xuân, 2015).

Cụm phía đông: có 38 giáo xứ, đa số là các xứ lớn thành lập từ trước năm 1954 (Thị Nghè, Bình Hòa, Thủ Đức, Thủ Thiêm...), tên giáo xứ là địa danh nhiều hơn tên thánh (20/28 giáo xứ tên địa danh, hiện nay là 24/38 giáo xứ tên địa danh). Đặc biệt, các xứ đạo trước năm 1954 vẫn dùng từ “họ đạo” trên con dấu: họ đạo Thị Nghè, họ đạo Gia Định, họ đạo Bình Hòa...

Cộng đồng Công giáo người Bắc di cư ở khu vực này chiếm số ít, khi đến định cư trong cụm cũng chịu ảnh hưởng cách đặt tên Nam Bộ, nên chỉ 5 giáo xứ đặt bằng tên ghép từ các địa danh Bắc Bộ: Từ Đức (Từ Sơn ở Thủ Đức), Cao Thái (Cao Mộc tỉnh Thái Bình), Tam Hà (Tam Bình và Hà

Nội) và Châu Bình (đọc chệch từ Bùi Chu và Thái Bình)... còn các xứ khác vẫn đặt theo tên thôn có sẵn: Thanh Đa, Hàng Sanh...

Cụm phía đông có 14 giáo xứ (nhiều nhất) đặt theo tên thánh. Nhiều giáo xứ có cùng “danh xưng” và “tước hiệu nhà thờ”; nhiều xứ đạo lại cùng đặt tên một vị thánh. Điều này không chỉ gây khó khăn mà cả sự hiểu lầm trong thông tin liên lạc. Để phân biệt, người ta không ngại thêm các cụm từ mang tính chỉ dẫn sau tên thánh. Chẳng hạn, Giuse “xa lộ” và Giuse “hẻm cụt”; Hiền Linh “cầu sập” và Hiền Linh “chuồng bò”; Thánh Khang “chợ cua” và Thánh Khang “xóm bột”... Đôi khi, không bị trùng tên vẫn thêm đặc điểm đi kèm như: Thiên Thần “cầu vượt”, Thánh Găm “vườn cò”...

Cư dân Nam Bộ vốn “năng động” và “trọng nghĩa” (Trần Ngọc Thêm, 2008: 7). Từ thời nhà Nguyễn, do hoàn cảnh xã hội giáo dân cũng phải di chuyển nhà thờ làm bằng ván, lá, vật liệu nhẹ đi theo. Làng Công giáo Nam Bộ linh động gắn với môi trường sông nước, ít cố định như làng Công giáo Bắc Bộ. Vì vậy, cùng một tên gọi nhưng ban đầu tụ họp nơi đây, ít lâu sau đã ở nơi khác. Vào thế kỷ XVIII, nhiều họ đạo nằm vị trí khác xa hiện tại như Xóm Chiếu, Khánh Hội cũ nằm lệch hơn 2km... Trọng nghĩa nên dù không quen không biết vẫn tương trợ, hiệp lực chinh phục thiên nhiên, một trong số đó là thói quen báo tin cho

nhau những địa điểm nguy hiểm hoặc đặt thành địa danh để cảnh báo: rạch Sấu, rạch Ong Lớn, xoáy Nhà Bè... thói quen này đã lưu dấu thành một vô thức tập thể qua việc gán định danh tại các họ đạo cụm phía đông.

Cụm tây nam: gồm 11 xứ đạo, trong đó có 4 xứ do người Hoa tự lập. Từ năm 1855 (khởi nghĩa Thái Bình Thiên Quốc) đến năm 1900 (kết thúc thế kỷ XIX), người Hoa đã lập 4 đạo: đạo Tổng Binh - nhà thờ Tổng Lãnh Thiên thần Micae, đạo Đường Nhân ("Thoòng Dzành" bị gọi thành "Thanh Nhân", còn được gọi là đạo khu Chợ Lớn) - nhà thờ Thánh Phaolô; đạo Diên Lang - Nữ thánh Jeanne d'Arc (tiên thân từ đạo khu An Nam); đạo Y Nhã (còn gọi là đạo Thái Bình) - thánh Ignatius. Sau năm 1900, Tổng Binh giải thể và sau tái lập thành Giuse An Bình, Đường Nhân (Thanh Nhân) thành Cha Tam và Đức Bà Hòa Bình, Y Nhã tan rã và hình thành các nhóm người Hoa nhỏ trong 5 giáo xứ Bắc di cư: Tân Phước, Thăng Long, Phú Bình, Vĩnh Hòa và Phaolô Quận 10. Tên gọi 4 đạo khu này đều ít nhiều gắn với những sự kiện ở Trung Hoa, còn tước hiệu nhà thờ đều là các vị thánh.

Kiểu gọi tên "cha Tam", "An Bình" là của người Việt; cộng đồng người Hoa vẫn duy trì tên chính thức riêng: Thánh Nhã Sắt An Bình đường, Mã Lợi Hòa Bình Thánh Mẫu điện, Trinh Đức Nữ Thánh Thiên Chủ điện,

Phương Tế Danh Thiên Chủ đường⁽⁵⁾. Nhiều bức hoành phi ghi tên đạo khu đầu tiên còn được bảo quản, lưu giữ rất trang trọng như ở Nhà thờ Cha Tam, Đức Bà Hòa Bình. Những xứ gồm cộng đồng vừa người Việt vừa người Hoa ra đời sau, dù tên thánh bằng chữ Quốc ngữ nhưng vẫn có định danh riêng bằng Hán tự treo nơi tiền sảnh: Thăng Long Thánh Gia đường, Hiền Linh Thiên Chủ đường, Nhã Sắt Bình Phước đường, Bảo La Thiên Chủ đường, Vĩnh Hòa Thánh Mẫu điện.

5. KẾT LUẬN

Ở Sài Gòn-TPHCM, tên xứ đạo được đặt theo địa danh nhiều gấp 3 lần so với đặt theo tên thánh, trong số 1/3 theo tên thánh thì lại gần một nửa là những xứ đạo lập sau năm 1975. Kết quả thống kê cho thấy, ở mỗi cụm tên xứ đạo có một vài kiểu đặt tên đồng nhất trong cụm, khác biệt hoàn toàn so với cụm khác. Tổng kết lại, có 9 kiểu đặt tên các xứ đạo tại Sài Gòn-TPHCM, ngoài cách đặt tên theo tên thánh, chủ yếu ở các giáo xứ Công giáo gốc người Hoa, thì đặt tên theo địa danh gồm 8 kiểu. Trong đó, tên của nhóm giáo xứ gốc Nam Bộ có 3 kiểu, tên của nhóm giáo xứ gốc Bắc di cư có 5 kiểu.

Việc chỉ ra những đặc điểm trong cách đặt tên của các xứ đạo ở Sài Gòn-TPHCM giúp xác định một số thông tin cơ bản về các giáo xứ: vị trí giáo xứ, đặc điểm địa lý môi trường tự nhiên, xuất xứ giáo dân, thành phần chức nghiệp giáo dân và luồng văn hóa chi

phối chính. Ngoài ra, thông qua việc nghiên cứu tên gọi các xứ đạo kết hợp với các địa danh ở Sài Gòn-TPHCM sẽ phác họa những lát cắt

lịch sử góp phần làm phong phú thêm bản sắc văn hóa của các cộng đồng Công giáo ở TPHCM. □

CHÚ THÍCH

- (1) Khi đó, giáo phận Sài Gòn gồm: TPHCM, Đồng Nai, Phan Thiết, Bà Rịa - Vũng Tàu ngày nay.
- (2) Giáo xứ mới có nhà thờ (church), phân biệt với nhà nguyện (chapel). Nhà thờ được cung hiến bởi giám mục, bàn thờ được xức dầu ô-liu, bên dưới chôn xương thánh, nhà thờ có nhà tạm đặt Mình máu Chúa, còn nhà nguyện thì chỉ một số ít được đặc cách.
- (3) Xuân Lộc có 202/248 giáo xứ thành lập sau cuộc di cư 1954, như vậy, tỷ lệ giáo dân Bắc di cư ưu thế, nhưng trong đó chỉ có 13 giáo xứ lấy tên nguyên thủy địa danh miền Bắc: Hải Dương, Thanh Hóa, Hà Nội, Trà Cổ,... và 15 giáo xứ ghép chữ từ tên địa danh Bắc: Bắc Thành, Bùi Đệ, Tiên Chu,... Định vị điểm trên bản đồ thì độ chụm thấp, độ tản rất cao.
- (4) Ý nghĩa tên gọi giáo xứ viết thành văn bản có chữ ký của linh mục chánh xứ tiên khởi trình Tòa Giám mục, kèm theo quyết định thành lập giáo xứ, tên gọi và ban hành tước hiệu nhà thờ có ấn ký của giám mục. Ngày nay, ý nghĩa tên gọi và lược sử giáo xứ luôn được công khai trên các trang web của các xứ.
- (5) Nếu tên xứ đạo (đạo khu) là nam giới thì dùng “đường” (堂), nữ giới dùng “điện” (殿).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bộ Giáo luật. 1983. *Hội đồng Giám mục Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.
2. Hồ Văn Xuân. 2015. “Nhớ về một người Cha’ – Nhân lễ giỗ lần thứ 20 của Đức cố Tổng Giám mục Phaolo Nguyễn Văn Bình”. *Tòa Tổng Giám mục TPHCM*. <https://tgpsaigon.net/bai-viet/nho-ve-mot-nguoi-cha-nhan-le-gio-lan-thu-20-cua-duc-co-tong-giam-muc-phaolo-nguyen-van-binh-28847>, truy cập ngày 13/3/2020.
3. Hansen, Peter. 2009. “Bac di cu: Catholic Refugees from the North of Vietnam, and their Role in the Southern Republic, 1954-1959”. *Journal of Vietnamese Studies*, 3 (vol.4) (bản PDF tiếng Việt của Đỗ Hải Yến). www.nghiencuuquocte.org.
4. Lê Trung Hoa. 2013. *Nhân danh học Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
5. Nguyễn Đức Lộc. 2015. *Cấu hình xã hội cộng đồng Công giáo Bắc di cư tại Nam Bộ*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia TPHCM.
6. Sơn Nam. 2009. *Miền Nam đầu thế kỷ XX – Thiên Địa Hội và cuộc Minh Tân*. TPHCM: Nxb. Trẻ.
7. Tòa Tổng Giám mục TP.HCM. 2005. *Niên giám Tổng Giáo phận TPHCM*. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo.

8. Trần Ngọc Thêm. 2008. “Tính cách người Việt ở Nam Bộ như một hệ thống”. Hội thảo *Nam Bộ thời kỳ hiện đại*. <http://www.vanhoahoc.vn/nguyen-cuu/van-hoa-viet-nam/van-hoa-nam-bo/408-tran-ngoc-them-tinh-cach-van-hoa-nguoi-viet-nam-bo.html>, truy cập 16/2/2020.
9. Trương Văn Chung, Đinh Thiện Phương. 2012. “Mối quan hệ giữa văn hóa và Công giáo (Trường hợp văn hóa Công giáo ở TPHCM)”. *Tạp chí Phát triển Nhân lực*, số 5 (31).